

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ**  
**STATEMENT OF CHANGE IN NET ASSET VALUE AND TRADING OF FUND CERTIFICATE**

Từ ngày 24 tháng 8 đến ngày 30 tháng 8 năm 2017/From 24 Aug to 30 Aug 2017

**Tên Công ty quản lý quỹ:**  
Management Fund Company  
**Tên ngân hàng giám sát:**  
Supervising bank:  
**Tên Quỹ:**  
Fund name:  
**Ngày lập báo cáo:**  
Reporting Date:

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương**  
Techcom Capital Management Company Limited  
**Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)**  
Standard Chartered Bank (Vietnam) Ltd.  
**Quỹ đầu tư Trái Phiếu Techcom**  
Techcom Bond Fund  
**Ngày 31 tháng 8 năm 2017**  
31-Aug-17

STT No	Nội dung Item	Mã số Code	Kỳ báo cáo ngày 30 tháng 08 năm 2017 For the period ended 30 Aug 2017	Kỳ báo cáo ngày 23 tháng 08 năm 2017 For the period ended 23 Aug 2017
I	<b>I. Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ</b> <i>Net Asset Value (NAV) at the beginning of period</i>	4060	1.715.264.998.765	1.720.597.080.159
II	<b>II. Thay đổi NAV so với kỳ trước (= II.1 + II.2), trong đó</b> <i>Change of NAV during the period (= II.1 + II.2)</i> <b>Trong đó:</b> <i>Of which:</i>	4061	4.004.486.011	(5.851.631.095)
II.1	II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ <i>Changes of NAV due to market fluctuation and the fund's investment during the period</i>	4062	4.004.486.011	(5.851.631.095)
II.2	II.2 Thay đổi NAV do phân chia Lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho Nhà đầu tư trong kỳ <i>Change of NAV due to profit distribution to investors during the period</i>	4063	-	-
III	<b>III. Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ (= III.1 – III.2)</b> <i>Change of NAV due to redemption, subscription of Fund Certificate</i>	4064	28.279.734.590	519.549.701
III.1	III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ <i>Increase from Subscription of Fund Certificate</i>	4065	51.380.250.000	24.443.000.000
III.2	III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ <i>Decrease from Redemption of Fund Certificate</i>	4066	23.100.515.410	23.923.450.299
IV	<b>IV. Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (= I + II + III)</b> <i>NAV at the end of period (= I + II + III)</i>	4067	1.747.549.219.366	1.715.264.998.765

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**  
Authorised Representative of Supervisory Bank

**Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý Quỹ**  
Authorised Representative of Fund Management Company

**Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)**  
**Lê Sỹ Hoàng**  
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương**  
**Đặng Lưu Dũng**  
Giám đốc